TUẦN 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1 (10 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng đoạn văn, câu chuyện, bài thơ,... Tốc độ đọc khoảng 60 – 65 tiếng trong một phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nội dung bài đã đọc, hiểu điều tác giả muốn nói qua VB đơn giản (dựa vào gợi ý), nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời nói…
2. Viết đúng bài chính tả khoảng 45 – 50 chữ theo hình thức nghe – viết, tốc độ khoảng 45 – 50 chữ trong 15 phút; viết đúng các từ ngữ có tiếng chứa âm/ vần dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Viết được đoạn văn khoảng 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường dựa vào gợi ý.
3. Biết trao đổi ý kiến về bài đọc yêu thích trong học kì 1; biết nói lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp với tình huống giao tiếp. Kể được sự việc trong tranh dựa vào gợi ý.
4. Tìm được các từ ngữ chỉ người, chỉ vật, chỉ hoạt động, đặc điểm thuộc một số chủ điểm đã học; biết sử dụng các từ ngữ để đặt câu; bước đầu biết sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

Lưu ý: Mục tiêu nêu trên đây được hiểu là những điều HS cần đạt được sau học kì 1. Bài ôn cuối học kì chỉ là những nội dung cơ bản cần ôn và gợi ý đánh giá cuối học kì 1 cũng mang tính chất tham khảo.

II CHUẨN BỊ

– Có thể chuẩn bị các phiếu học tập để HS không làm bài vào SHS. (VD: Bài tập tìm từ ngữ chỉ sự vật ở tiết ôn tập 1 và 2 nên thiết kế thành phiếu học tập nhóm để HS viết các từ ngữ chỉ sự vật tìm được theo bảng thống kê đã cho.)

– Bài đánh giá cuối học kì 1 có thể thiết kế thành phiếu học tập để HS tập làm bài kiểm tra cuối kì.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN I – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

1. Nhìn tranh, nói tên các bài đã học.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập theo cặp hoặc theo nhóm như sau:

+ Mỗi bạn chỉ vào một tranh và nói tên bài đã học (theo thứ tự tranh từ trái qua phải, từ trên xuống dưới). VD: Tranh 1, bài *Hoa tỉ muội*.

+ Có thể mở SHS tìm bài đọc để xác nhận đúng/ sai (nếu thấy chưa chắc chắn).

– GV khen ngợi các cặp/ nhóm hoàn thành sớm.

2. Dựa vào các tranh vẽ ở bài tập 1, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo mẫu.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập:

+ GV nêu yêu cầu của bài tập, hướng dẫn HS quan sát mẫu và nghe GV phân tích mẫu, đưa thêm ví dụ:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ người	M: – bà – Nết → (tên riêng)	– chị – Việt
	Từ ngữ chỉ vật	M: – nhím nâu (con vật) – cây cau (cây cối) – cánh cửa (đồ vật) – dòng suối (vật thể lớn/ trải rộng)	– bê vàng, … – cây hoa,… – diều giấy – rừng

+ Mỗi bạn chỉ vào một tranh và nêu từ ngữ chỉ sự vật trong tranh (theo thứ tự tranh từ trái qua phải, từ trên xuống dưới).

+ HS có thể mở SHS tìm bài đọc để quan sát tranh khổ lớn hơn.

– GV hướng dẫn HS cách làm việc theo nhóm:

Cách 1:

+ Các nhóm nhận phiếu học tập (nếu có).

+ Nhóm trưởng hướng dẫn các bạn quan sát tranh, cùng nhau tìm từ ngữ theo mẫu đã cho trong SHS.

+ Thư kí của nhóm ghi kết quả các từ ngữ tìm được.

Cách 2:

+ Mỗi nhóm nhận những tấm bìa nhỏ. Từng thành viên trong nhóm tìm từ ngữ chỉ sự vật rồi ghi vào các tấm bìa đó (mỗi tấm bìa chỉ ghi một từ ngữ).

+ Sau khi các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, nhóm trưởng cho tập hợp thành sản phẩm của nhóm theo cách phân loại trong bảng (từ ngữ nào trùng thì chỉ lấy một tấm bìa đại diện). Các thành viên trao đổi để xếp từ ngữ vào đúng nhóm ghi trong bảng.

– GV tổ chức cho 1 – 2 nhóm báo cáo trước lớp, các nhóm khác góp ý và bổ sung. GV nhận xét, đánh giá.

– GV khen ngợi các nhóm hoàn thành sớm và đúng.

3. Đọc lại một bài đọc em thích, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài khiến em nhớ nhất.

– HS tự đọc yêu cầu bài tập 3.

– GV hướng dẫn HS cách làm việc theo nhóm:

+ Từng em chọn đọc một bài mình thích (HS đọc chậm chỉ yêu cầu đọc 1 – 2 đoạn trong bài, HS đọc khá thì đọc cả bài.).

+ Đọc xong, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài mình nhớ nhất, có thể giải thích vì sao thích bài đọc đó.

+ Các thành viên có thể nêu thêm câu hỏi về bài đọc để các bạn trong nhóm xung phong trả lời. Cả nhóm nhận xét và góp ý.

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét (có thể cho điểm).

TIẾT 3 – 4

4. Đọc lời của chim hải âu và trả lời câu hỏi.

– GV nêu yêu cầu: Các em đọc lời của chim hải âu, sau đó thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi bên dưới.

– HS làm việc nhóm:

+ Yêu cầu thứ nhất (Trả lời câu hỏi: *Theo em, chim hải âu nói những câu trên với ai, trong tình huống nào?*), từng bạn trong nhóm nêu ý kiến cá nhân để trả lời, cả nhóm góp ý và thống nhất ý kiến. VD: Chim hải âu nói những câu đó với các loài chim khác khi đi đâu xa hoặc khi gặp những người bạn ở nơi khác đến./ Chim hải âu nói lời chào và lời tự giới thiệu về bản thân (tên, tính tình, nơi ở, sở thích của bản thân) với những người bạn mới./,…

+ Yêu cầu thứ hai (*Đóng vai một loài chim khác, đáp lời hải âu*), GV cho HS từng cặp đóng vai: một bạn nói (hoặc đọc) lời chào, lời tự giới thiệu của chim hải âu, một bạn đáp lại lời hải âu.

Lưu ý: Với yêu cầu 2, GV cần hướng dẫn HS chọn một loài chim mình biết rõ để nói được lời chào, lời tự giới thiệu về loài chim đó, đáp lời chim hải âu.

– GV và các nhóm nhận xét/ khen ngợi các bạn đưa ra ý kiến hay.

5. Thực hành luyện nói theo tình huống.

– GV hướng dẫn HS thực hành nói lời chào, lời tự giới thiệu theo nhóm dựa trên cách giới thiệu đã được học ở đầu năm học (HS có thể xem lại bài học đầu năm).

– Các nhóm thực hiện theo các bước như sau:

+ Đọc yêu cầu bài tập 5 (gồm 2 tình huống).

+ Nhóm trưởng điều hành các bạn thực hiện yêu cầu lần lượt từng tình huống:

Tình huống a.

(1) Nhóm trưởng đọc tình huống a, tất cả các bạn trong nhóm suy nghĩ và chuẩn bị lời giới thiệu về bản thân (có thể viết nhanh lời giới thiệu của mình trước khi nói).

(2) Nhóm trưởng mời từng bạn nói lời giới thiệu của mình. Cả nhóm góp ý.

(GV hướng dẫn HS đặt mình vào tình huống để giới thiệu tự nhiên. VD:

– Chào các bạn! Tôi tên là… Tôi mới từ trường…/ lớp… chuyển đến. Rất mong được các bạn giúp đỡ.

– Chào các bạn! Tôi là…, mới chuyển đến từ… Tôi thích học môn… Sở thích của tôi là… Rất vui được học cùng các bạn.

– …)

Tình huống b.

(1) Từng em đọc thầm tình huống b, chuẩn bị lời nói của mình trong tình huống b.

(2) Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu ý kiến đã chuẩn bị. Cả nhóm góp ý và bình chọn các ý kiến thể hiện được sự thân thiện, đón chào bạn mới chuyển đến.

VD: Chào bạn… Rất vui vì lớp mình có thêm bạn./…

– GV hướng dẫn chữa bài trước lớp: một số HS lên nói trước lớp (có thể gộp 2 tình huống làm một: một bạn nói lời giới thiệu của người mới chuyển đến, một bạn đáp lời thể hiện sự thân thiện, đón chào bạn mới chuyển đến).

– GV cùng cả lớp nhận xét, khích lệ, động viên các bạn xung phong nói trước lớp.

TIẾT 5 – 6

6. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ (chỉ người, chỉ vật; chỉ hoạt động).

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập 6:

– Tổ chức trò chơi ném bóng và nói từ ngữ : có thể thực hiện xong yêu cầu a (tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật) rồi mới chuyển sang yêu cầu b (tìm từ ngữ chỉ hoạt động) hoặc thực hiện 2 yêu cầu a và b cùng một lúc.

HS1 nói một từ ngữ (VD: người bán hàng) rồi ném bóng cho HS2 → HS2 nói một từ ngữ (VD: người đi chợ) rồi ném bóng cho HS3,…

– GV và các bạn trong lớp cùng làm trọng tài để xác định từ ngữ các bạn tìm được có đảm bảo yêu cầu hay không, đúng hay sai?

– Khen ngợi các bạn tìm từ nhanh.

(Gợi ý đáp án: HS có thể tìm các từ ngữ khác nhau để gọi tên sự vật, hoạt động trong tranh. VD:

– Từ ngữ chỉ người: người bán hàng, người bán chậu quất, người bán cây cảnh, người bán cành đào, người đàn ông, người mua cây cảnh, người mua chậu quất, người mua cành đào, người đi chợ, người phụ nữ, người nặn đồ chơi, bạn nhỏ, bạn nam, bạn nữ, trẻ em,…

– Từ ngữ chỉ vật: cành đào, chậu quất, cây quất, chậu cây cảnh, cây cảnh, cái túi, đồ chơi,…

– Từ ngữ chỉ hoạt động: bán hàng, mua hàng, nặn đồ chơi, xem, nhìn, đi chợ, đi chơi, mời mua cây cảnh,…)

7. Nói 2 – 3 câu về một nhân vật trong tranh ở mục 6.

– GV hướng dẫn HS làm mẫu: cho các em chỉ vào một nhân vật được vẽ trong tranh, một em khác trả lời với sự giúp đỡ của GV và HS trong lớp. VD:

+ Người đó là ai? → Người đó là bác bán cây cảnh.

+ Người đó đang làm gì? → Bác ấy đang bán cành đào.

+ Em có nhận xét gì về cử chỉ, hành động,... của người đó? → Bác ấy rất niềm nở với người mua hàng.

Lưu ý:

– Để nêu đúng việc người đó đang làm và nhận xét được đặc điểm nổi bật của người đó, cần quan sát kĩ nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,… của người đó.

– Tranh vẽ hơi nhỏ, có thể khó quan sát. Tranh 1 vẽ cảnh chợ Tết, có người đi bán người đi mua,... Tranh 2 vẽ cảnh các em nhỏ vây quanh xem bác bán tò he đang nặn đồ chơi tò he (tò he là đồ chơi của trẻ em, được nặn bằng bột gạo nếp có nhuộm phẩm màu). GV có thể sử dụng các tranh ảnh khổ lớn sưu tầm được để HS dựa vào đó hỏi đáp.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trước khi làm việc trong nhóm.

+ Làm việc cá nhân: Đọc yêu cầu bài tập 7, chọn một nhân vật trong tranh và chuẩn bị nói 2 – 3 câu về nhân vật đó theo gợi ý trong SHS (HS có thể chuẩn bị bằng cách viết ra các câu về nhân vật mình chọn trước khi nói).

+ Làm việc nhóm: Nhóm trưởng lần lượt mời từng bạn nói 2 – 3 câu đã chuẩn bị, cả nhóm góp ý, nhận xét.

– GV quan sát HS làm việc nhóm và mời một số HS nói trước lớp. GV và HS nhận xét, chủ yếu khen ngợi, động viên. (VD: Đây là bác bán đồ chơi cho trẻ em. Bác ấy đang nặn đồ chơi. Bác nặn đồ chơi rất đẹp nên các bạn nhỏ xúm quanh để xem./ Đây là người bán cây cảnh. Bác ấy đang mời mọi người mua cây. Bác ấy tươi cười chào đón mọi người./ Đây là một bạn nam. Bạn ấy đang chăm chú xem bác thợ nặn tò he (cùng nhiều bạn nhỏ khác). Bạn ấy thích đồ chơi tò he. Bạn ấy rất thán phục tài nặn tò he của bác thợ.)

8. Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than* thay cho ô vuông.

– GV hướng dẫn chung cả lớp:

+ Làm việc theo cặp: Đọc lời trò chuyện của 2 chị em, suy nghĩ để chọn dấu thích hợp thay cho các ô vuông (nếu chuẩn bị phiếu học tập thì cho HS điền vào ô trống). Thống nhất ý kiến.

+ Các nhóm (cặp) đối chiếu kết quả.

– GV tổ chức chữa bài trước lớp:

+ Câu thứ nhất: *Em đang viết gì đấy* là câu hỏi → đặt dấu chấm hỏi cuối câu.

+ Câu thứ hai: *Em đang viết thư cho em* là câu trả lời, câu nêu hoạt động (kể việc), đặt dấu chấm.

+ Câu thứ ba: *Hay đấy* là câu bộc lộ cảm xúc, lời khen → đặt dấu chấm than.

+ Câu thứ tư: *Trong thư nói gì* là câu hỏi → đặt dấu chấm hỏi.

+ Câu thứ năm: *Ngày mai, nhận được thư em mới biết* là câu trả lời, câu nêu sự việc → đặt dấu chấm.

– Các cặp/ nhóm đối chiếu kết quả.

– GV và HS thống nhất đáp án (như trên).

TIẾT 7 – 8

9. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết bài *Niềm vui là gì?*.

– GV đọc bài cho HS nghe và hỏi:

+ Trong câu chuyện có những nhân vật nào? (Có gấu, sóc và kiến)

+ Gấu hỏi các bạn điều gì? (Gấu hỏi các bạn: Niềm vui là gì?)

+ Gấu nhận được câu trả lời của các bạn thế nào? (GV có thể đọc lại bài một lần nữa hoặc cho HS nhìn vào SHS để tìm câu trả lời). GV nói thêm với HS: mỗi người bạn đã trả lời gấu theo suy nghĩ và cảm nhận riêng của mình, gắn với niềm vui riêng của mỗi bạn.

– GV hướng dẫn HS quan sát cách trình bày bài chính tả: có dấu hai chấm (xuất hiện 2 lần), có các dấu gạch ngang đặt trước lời nói của các nhân vật; viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại bài trước lớp; nhắc HS quan sát bài một lần nữa trước khi nghe – viết.

– GV đọc tên bài, đọc từng câu cho HS viết vào vở. Khi HS viết xong, GV đọc lại bài cho HS soát lỗi. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

10. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *iên* hoặc *yên*

– HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở tiếng tìm được theo yêu cầu và phù hợp với tranh.

– Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV. (**Biển** rộng mênh mông.; Xóm làng bình **yên**.; **Miền** núi có ruộng bậc thang./ **Triền** núi có ruộng bậc thang.).

11. Nói tiếp câu kể lại sự việc trong tranh

– GV hướng dẫn chung cả lớp quan sát tranh 1, đọc lời dưới tranh và trả lời câu hỏi: Tranh 1 vẽ những gì? (Tranh vẽ gà trống gáy lúc mặt trời mới mọc, gà mẹ gọi các con dậy và ra khỏi chuồng).

– GV tổ chức cho HS làm bài theo nhóm (4 em/ nhóm) như sau:

+ Quan sát từng tranh, đọc lời dưới tranh rồi đoán xem 4 tranh cho biết điều gì về gà mẹ và các con. Nhóm trưởng mời các bạn nêu ý kiến, thảo luận để thống nhất nội dung các tranh. (VD: Tranh 1. Sáng sớm, gà mẹ gọi con dậy và ra khỏi chuồng; Tranh 2. Gà mẹ cho các con chạy nhảy, tắm nắng; Tranh 3. Gà mẹ dẫn các con đi kiếm giun/ kiếm ăn; Tranh 4. Buổi trưa, gà mẹ cho con nghỉ ngơi trong bóng mát.).

+ Mỗi bạn trong nhóm nói tiếp câu dưới mỗi tranh.

– GV tổ chức chữa bài trước lớp: các nhóm xung phong lên trình bày. GV cùng cả lớp nhận xét, khích lệ, động viên các bạn xung phong nói trước lớp.

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

TIẾT 9 – 10

Tuần 18 có 10 tiết, trong đó:

– 8 tiết dành cho ôn tập.

– 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá cuối học kì.

SHS có giới thiệu đề kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối học kì.

GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

– Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (trả lời miệng).

– Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

– Nghe – viết chính tả và làm bài tập chính tả.

– Viết 3 – 4 câu kể việc.

HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG